

Học sinh:.....

Lớp:.....

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM NHIỀU PHƯƠNG ÁN LỰA CHỌN.(6 điểm)

BÀI 10: VĂN MINH VĂN LANG – ÂU LẠC.

- Câu 1.** Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là văn minh
A. Sông Hồng. B. Phù Nam. C. Sa Huỳnh. D. Trống đồng.
- Câu 2.** Từ đầu thiên niên kỉ I TCN đến vài thế kỉ đầu Công nguyên, khu vực Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ Việt Nam ngày nay hình thành nền văn minh nào sau đây?
A. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc. B. Văn minh Chăm - Pa.
C. Văn minh Phù Nam. D. Văn minh Đại Việt.
- Câu 3.** Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Việt cổ thuộc khu vực nào trên lãnh thổ Việt Nam ngày nay?
A. Khu vực Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Trung bộ ngày nay.
C. Khu vực Nam bộ ngày nay. D. Cư trú rải rác trên toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Câu 4.** Cơ sở hình thành nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc là do
A. ảnh hưởng của văn minh Ấn Độ. B. yêu cầu xâm lược và mở rộng lãnh thổ.
C. ảnh hưởng của văn minh Trung Hoa. D. yêu cầu bảo vệ cuộc sống của cộng đồng.
- Câu 5.** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của nhà nước Văn Lang-Âu Lạc?
A. Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế nông nghiệp.
B. Chịu ảnh hưởng từ các nền văn minh bên ngoài: Ấn Độ, La Mã.
C. Sự tan rã của công xã nguyên thủy dẫn đến sự phân hóa xã hội.
D. Xuất phát từ nhu cầu đoàn kết phát triển kinh tế, chống ngoại xâm.
- Câu 6.** Việc sinh sống dọc theo các con sông lớn (sông Hồng, Sông Mã, sông Cả) đem lại thuận lợi cơ bản nào cho cư dân Văn Lang – Âu Lạc?
A. Phát triển kinh tế nông nghiệp trồng lúa nước.
B. Phát triển kinh tế thương nghiệp.
C. thuận lợi cho nghề luyện kim phát triển sớm.
D. thuận lợi cho nghề thủ công nghiệp phát triển.
- Câu 7.** Bộ máy nhà nước Văn Lang - Âu Lạc được tổ chức theo 3 cấp từ trên xuống, đứng đầu lần lượt là
A. Vua –Quan văn, quan võ – Lạc dân. B. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Tù trưởng.
C. Vua – Quý tộc, vương hầu – Bò chính. D. Vua – Lạc hầu, Lạc tướng – Bò chính.
- Câu 8.** Thành tựu nào sau đây của người cư dân Văn Lang – Âu Lạc đã được UNESCO ghi danh là Di sản văn hoá thế giới?
A. Trống đồng Đông Sơn. B. Thánh địa Mỹ Sơn.
C. Phật viện Đồng Dương. D. Đồng tiền cổ óc Eo.
- Câu 9.** Hoạt động kinh tế nào góp phần hỗ trợ trực tiếp cho sản xuất nông nghiệp của cư dân Văn Lang – Âu Lạc
A. đánh bắt thủy sản. B. buôn bán đường biển.
C. khai thác khoáng sản. D. thủ công nghiệp luyện kim.
- Câu 10.** Đặc điểm nhà ở phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là
A. nhà xây bằng gạch đá. B. nhà mái vòm kiên cố.
C. nhà sàn bằng gỗ tre. D. nhà nổi trên mặt nước.
- Câu 11.** Trang phục phổ biến của cư dân Văn Lang – Âu Lạc thường được làm từ
A. lụa tơ tằm cao cấp. B. vải dệt từ sợi tự nhiên.
C. da thú săn bắt. D. vải nhập từ bên ngoài.
- Câu 12.** Tín ngưỡng phổ biến trong đời sống tinh thần của cư dân Văn Lang – Âu Lạc là
A. thờ các vị thần Hy Lạp. B. theo đạo Phật.
C. theo đạo Bà La Môn. D. thờ cúng tổ tiên.
- BÀI 11: VĂN MINH CHĂM PA, VĂN MINH PHÙ NAM.**
- Câu 13.** Nền văn minh Chămpa được phát triển dựa trên cơ sở
A. văn hóa Đồng Nai. B. văn hóa Đông Sơn.
C. văn hóa Sa Huỳnh. D. văn hóa Óc Eo.
- Câu 14.** Từ thế kỉ II đến đầu thế kỉ XV, khu vực miền Trung và Nam Trung Bộ ngày nay hình thành nền văn minh nào sau đây?

- Câu 15.** Văn minh Chăm-pa phát triển rực rỡ nhờ ảnh hưởng của nền văn minh nào sau đây?
A. Văn minh Trung Hoa. B. Văn minh Ấn Độ.
C. Văn minh Ai Cập. D. Văn minh Lưỡng Hà.
- Câu 16.** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành của văn minh Chăm-pa?
A. Chịu ảnh hưởng từ nền văn minh Ấn Độ.
B. Hình thành trên cơ sở của nền văn hóa Sa Huỳnh.
C. Lưu giữ và phát huy nền văn hóa bản địa.
D. Chịu ảnh hưởng của nền văn hóa Trung Hoa.
- Câu 17.** Biểu hiện nào sau đây chứng tỏ quốc gia Phù Nam có thương nghiệp phát triển?
A. Có vị trí địa lý thuận lợi cho phát triển thương nghiệp.
B. Là quốc gia cổ phát triển hùng mạnh ở Đông Nam Á.
C. Chi phối nền thương mại hàng hải ở khu vực Đông Nam Á.
D. Sự phát triển của nông nghiệp và sản phẩm phụ nông nghiệp.
- Câu 18.** Trước khi tiếp nhận nền văn hóa từ bên ngoài, cư dân Chăm-pa có nền văn hóa bản địa nào sau đây?
A. Các lễ hội truyền thống theo nghi thức Hồi giáo.
B. Tính ngưỡng thờ phồn thực, thờ vạn vật hữu linh.
C. Nghệ thuật xây dựng các khu đền, tháp.
D. Phát triển kinh tế thương nghiệp, hàng hải.
- Câu 19.** Thánh địa Mỹ Sơn (Quảng Nam) là di tích của nền văn minh nào sau đây?
A. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc. B. Văn minh Chăm - Pa.
C. Văn minh Phù Nam. D. Văn minh Đại Việt.
- Câu 20.** Lễ hội truyền thống nào sau đây thuộc văn minh Chăm-pa?
A. Lễ hội Ka-tê. B. Lễ hội Cơm mới.
C. Lễ hội Cóc Om Bóc. D. Lễ hội Lồng tồng.
- Câu 21.** Nội dung nào sau đây thể hiện **đúng** đặc điểm của nền văn minh Chăm-pa?
A. Chỉ tiếp thu những thành tựu của nền văn minh Ấn Độ.
B. Có sự giao thoa giữa văn minh Trung Hoa và Ấn Độ.
C. Kết hợp giữa văn hóa bản địa với văn hóa Ấn Độ.
D. Kết hợp giữa văn hóa Đại Việt với văn hóa Phù Nam.
- Câu 22.** Nhận xét nào sau là **đúng** về vai trò của nền văn minh Chăm-pa đối với tiến trình phát triển của lịch sử Việt Nam?
A. Là một bộ phận hình thành bản sắc văn hóa Việt Nam.
B. Tạo nên sự tách biệt trong lịch sử văn hóa dân tộc.
C. Cung cấp nguồn sử liệu quý giá cho lịch sử thế giới.
D. Là cội nguồn của nền văn minh tiếp theo của dân tộc.
- Câu 23.** Nền văn minh Phù Nam được phát triển dựa trên cơ sở của nền văn hóa nào?
A. Đồng Đậu. B. Sa Huỳnh. C. Đông Sơn. D. Óc Eo.
- Câu 24.** Khoảng đầu công nguyên, khu vực hạ lưu sông Mê Công đã hình thành nền văn minh nào?
A. Văn minh Văn Lang – Âu Lạc. B. Văn minh Phù Nam.
C. Văn minh Phù Nam. D. Văn minh Đại Việt.
- Câu 25.** Địa bàn cư trú chủ yếu của cư dân Phù Nam thuộc khu vực nào trên đất nước Việt Nam ngày nay?
A. Bắc bộ và Bắc Trung bộ. B. Khu vực Nam bộ.
C. Đồng bằng Sông Hồng. D. Trung bộ và Nam bộ.
- Câu 26.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** đặc điểm của vương quốc Phù Nam?
A. Là quốc gia phát triển trên cơ sở văn hóa Sa Huỳnh.
B. Là quốc gia có kinh tế thương nghiệp phát triển.
C. Có nền kinh tế phát triển nhất khu vực Đông Nam Á.
D. Là quốc gia hình thành sớm nhất trên lãnh thổ Việt Nam.
- Câu 27.** Sau khi được hoàn thiện về tổ chức nhà nước, vương quốc Phù Nam đã
A. trở thành vương quốc hùng mạnh nhất khu vực Đông Nam Á.
B. bắt đầu suy yếu, bị xâm lược bởi Chân Lạp và bị thống trị.
C. trở thành vương quốc có ảnh hưởng rộng ở Đông Nam Á.
D. Tiên hành bành trướng, xâm lược Chăm pa, Đại Việt.
- Câu 28.** Nhận xét nào sau đây là **đúng** về vai trò của các nền văn minh cổ trên lãnh thổ Việt Nam?

- A. Tạo nên sự tách biệt, đối lập trong truyền thống văn hóa Việt.
- B. Có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của văn hóa Trung Hoa.
- C. Tạo nên sự đa dạng, đặc trưng của truyền thống văn hóa Việt.
- D. Là cơ sở để các nước Đông Nam Á xây dựng văn hóa hiện đại.

BÀI 12-13: CƠ SỞ HÌNH THÀNH VÀ MỘT SỐ THÀNH TỰU VĂN MINH ĐẠI VIỆT.

- Câu 29.** Văn minh Đại Việt là
- A. những sáng tạo về vật chất tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập của Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.
 - B. những sáng tạo về tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập của Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.
 - C. những sáng tạo về vật chất và tinh thần tiêu biểu trong kỉ nguyên độc lập của Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX.
 - D. những sáng tạo về vật chất và tinh thần tiêu biểu của Việt Nam trong kỉ nguyên độc lập từ thế kỉ I đến thế kỉ XV.
- Câu 30.** Cơ sở chủ yếu hình thành văn minh Đại Việt là
- A. kế thừa những di sản và truyền thống có từ thời Văn Lang – Âu Lạc.
 - B. kế thừa những di sản và truyền thống có từ thời Chăm-pa.
 - C. kế thừa những di sản và truyền thống có từ thời Phù Nam.
 - D. tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn minh phương Tây.
- Câu 31.** Cơ sở quan trọng nhất của nền văn minh Đại Việt là
- A. thời đại độc lập, tự chủ lâu dài để tạo nên những thành tựu tiêu biểu.
 - B. tiếp thu có chọn lọc những thành tựu của văn minh bên ngoài.
 - C. kế thừa những di sản và truyền thống có từ thời Văn Lang – Âu Lạc.
 - D. dựa vào sự giúp đỡ của các nền văn minh khác.
- Câu 32.** Nội dung nào sau đây **không** phải là cơ sở hình thành nền văn minh Đại Việt?
- A. Có cội nguồn từ các nền văn minh cổ xưa trên đất nước Việt Nam.
 - B. Tiếp thu chọn lọc từ thành tựu của các nền văn minh bên ngoài.
 - C. Nho giáo là tư tưởng chính thống trong suốt các triều đại phong kiến.
 - D. Trải qua quá trình đấu tranh, củng cố độc lập dân tộc của quân và dân ta.
- Câu 33.** Thời Lê Trung Hưng, văn minh Đại Việt phát triển theo xu hướng nào?
- A. Xu hướng dân gian hóa và phụ thuộc vào văn minh phương Tây.
 - B. Xu hướng dân gian hóa và bước đầu tiếp xúc với văn minh phương Tây.
 - C. Xu hướng dân gian hóa và bước đầu tiếp xúc với văn minh phương Đông.
 - D. Xu hướng dân gian hóa và bước đầu tiếp xúc với văn minh Ấn Độ - Trung Hoa.
- Câu 34.** Thời kì văn minh Đại Việt, các nghề thủ công nào phát triển nhất?
- A. Dệt, gốm sứ, luyện kim.
 - B. Đan lát các vật dụng gia đình.
 - C. Chế tạo vũ khí sẵn bán.
 - D. Chế tạo các đồ trang sức.
- Câu 35.** Từ thế kỉ XVI, đặc biệt trong thế kỉ XVII, khi thương mại Á – Âu phát triển, thương nghiệp Đại Việt có đặc điểm gì?
- A. Phát triển nhộn nhịp khắp nơi.
 - B. Bị hạn chế tối đa.
 - C. Đình đốn, không phát triển.
 - D. chủ yếu buôn bán ở khu vực Đông Nam.
- Câu 36.** Trung tâm chính trị - văn hóa và đô thị lớn nhất Đại Việt trong các thế kỷ X-XV là
- A. Phố Hiến.
 - B. Thanh Hà.
 - C. Thăng Long.
 - D. Hội An.
- Câu 37.** Để khuyến khích phát triển nông nghiệp, chính sách nào sau đây của các hoàng đế Đại Việt được duy trì đến ngày nay?
- A. Chú trọng phát triển nông nghiệp lúa nước truyền thống.
 - B. Thường xuyên tiến hành khai hoang, mở rộng diện tích canh tác.
 - C. Thực hiện nghi lễ Tịch điền vào mùa xuân hàng năm.
 - D. Quy định cấm giết trâu bò để bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.
- Câu 38.** Để xây dựng và củng cố chính quyền, thời Lê đã ban hành bộ luật nào sau đây?
- A. Hình luật.
 - B. Luật Hình thư.
 - C. Luật Hồng Đức.
 - D. Hoàng Việt luật lệ.
- Câu 39.** Năm 1076, vua Nhà Lý nào sau đây đã cho lập Quốc Tử Giám (Hà Nội)?
- A. Lý Thái Tổ.
 - B. Lý Thái Tông.
 - C. Lý Thánh Tông.
 - D. Lý Nhân Tông.
- Câu 40.** Để tôn vinh bậc trí thức Nho học đỗ đại khoa, vua Lê Thánh Tông đã làm gì?
- A. Phong quan tước.
 - B. Dựng bia tiến sĩ.
 - C. Cấp thêm ruộng đất.
 - D. Miễn thuế và lao dịch.
- Câu 41.** Từ đầu thế kỉ XVI, cùng với sự du nhập của Công giáo, loại chữ nào sau đây xuất hiện và dần được hoàn thiện?
- A. Chữ Hán.
 - B. Chữ Nôm.
 - C. Chữ Quốc ngữ.
 - D. Chữ Tượng hình.

- Câu 42.** Tranh Đông Hồ (Bắc Ninh) nổi tiếng nhất từ triều đại nào?
 A. Lê Trung Hưng. B. Lý – Trần. C. Đinh – Tiền Lê. D. Tây Sơn – Nguyễn.
- Câu 43.** Hát văn (còn gọi là châu văn) gắn liền với nghi lễ trong tính ngưỡng nào sau đây?
 A. Tính ngưỡng sùng bái tự nhiên. B. Tính người phồn thực.
 C. Tính ngưỡng thờ Mẫu. D. Tính ngưỡng thờ trống đồng.
- Câu 44.** Bộ Quốc sử tiêu biểu thời Lê Sơ của văn minh Đại Việt là bộ
 A. Sử ký. B. Đại Việt sử ký.
 C. Đại Việt sử ký toàn thư. D. Đại Nam thực lục.
- Câu 45.** Công trình địa chí tiêu biểu xác định lãnh thổ, biên giới quốc gia trên đất liền đầu tiên của nước ta là
 A. Gia Định thành thông chí. B. Dư địa chí.
 C. Hồng Đức bản đồ. D. Đại Nam nhất thống toàn đồ.
- Câu 46.** Công trình địa chí tiêu biểu xác định lãnh thổ, biên giới quốc gia trên biển thời Nguyễn là
 A. Gia Định thành thông chí. B. Dư địa chí.
 C. Nghệ An ký. D. Đại Nam nhất thống toàn đồ.
- Câu 47.** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng đặc điểm của nghệ thuật hát văn (còn gọi là châu văn)?
 A. Xuất hiện trong cung đình, rồi dần lan tỏa và phổ biến trong đời sống dân gian.
 B. Là loại hình ca múa nhạc dân gian, gắn liền với tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt.
 C. Là loại hình ca múa nhạc dân gian, gắn liền với tín ngưỡng thờ thần Đồng của người Việt.
 D. Xuất hiện trong dân gian và trở thành nghệ thuật biểu diễn chính.
- Câu 48.** Nền tảng về kĩ cương, ổn định xã hội trong thời phong kiến Đại Việt là
 A. đề cao Nho giáo. B. đề cao Phật giáo.
 C. đề cao Đạo giáo. D. đề cao Công giáo.
- Câu 49.** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của nền văn minh Đại Việt?
 A. Là sự kết tinh của tin thần quật khởi và sức lao động sáng tạo bền vững của nhân dân.
 B. Là cơ sở, nền tảng để Việt Nam loại trừ các yếu tố văn minh ngoại lai bên ngoài.
 C. Là cơ sở để người Việt Nam xây dựng một nền văn minh đậm đà bản sắc dân tộc.
 D. Là cơ sở để người Việt Nam tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài.
- Câu 50.** Nội dung nào sau đây phản ánh **đúng** ý nghĩa những thành tựu của nền văn minh Đại Việt?
 A. Góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh dân tộc trong kháng chiến chống ngoại xâm.
 B. Là tiền đề, nền tảng để Việt Nam loại trừ các yếu tố văn minh ngoại lai bên ngoài.
 C. Chứng tỏ nền văn hóa ngoại lai hoàn toàn lấn át nền văn hóa truyền thống của dân tộc.
 D. Tạo điều kiện khách quan để chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm nhập.

BÀI 14. CÁC DÂN TỘC TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM.

- Câu 51.** Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam hiện nay được chia thành mấy nhóm?
 A. Hai nhóm. B. Ba nhóm. C. Bốn nhóm. D. Năm nhóm.
- Câu 52.** Thành phần dân tộc theo dân số ở Việt Nam hiện nay được chia thành:
 A. dân tộc đa số và dân tộc thiểu số. B. dân tộc sinh sống vùng đất liền.
 C. dân tộc sinh sống vùng hải đảo. D. dân tộc sinh sống vùng miền núi.
- Câu 53.** Khái niệm dân tộc đa số được hiểu là
 A. dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng số dân của cả nước.
 B. dân tộc có số dân chiếm dưới 50% tổng số dân của cả nước.
 C. từ hai dân tộc trở lên có số dân chiếm trên 50% tổng số dân của cả nước.
 D. dân tộc đang sinh sống ở vùng đồng bằng có điều kiện thuận lợi.
- Câu 54.** Khái niệm dân tộc thiểu số được hiểu là
 A. những dân tộc có số ít dân so với dân tộc đa số trên phạm vi lãnh thổ đất nước.
 B. dân tộc có số dân chiếm trên 50% tổng số dân của cả nước.
 C. dân tộc đang sinh sống ở vùng miền núi có bản sắc văn hóa riêng.
 D. dân tộc đang sinh sống ở vùng đồng bằng có điều kiện thuận lợi.
- Câu 55.** Hiện nay ở Việt Nam có bao nhiêu dân tộc?
 A. 50 dân tộc. B. 52 dân tộc. C. 54 dân tộc. D. 56 dân tộc.
- Câu 56.** Ngữ hệ là:
 A. Một nhóm ngôn ngữ cùng nguồn gốc, có những đặc điểm khác nhau về ngữ pháp, hệ thống từ vựng cơ bản, thanh điệu và ngữ âm.
 B. Một nhóm ngôn ngữ cùng nguồn gốc, có những đặc điểm giống nhau về ngữ pháp, khác về hệ thống từ vựng cơ bản, thanh điệu và ngữ âm.

C. Một nhóm ngôn ngữ cùng nguồn gốc, có những đặc điểm giống nhau về ngữ pháp, hệ thống từ vựng cơ bản, thanh điệu và ngữ âm.

D. Một nhóm ngôn ngữ cùng nguồn gốc, có chung đặc điểm về ngữ pháp, hệ thống từ vựng cơ bản, thanh điệu và ngữ âm.

Câu 57. Hiện nay, ở Việt Nam có bao nhiêu loại ngữ hệ?

- A. Ba loại. B. Bốn loại. C. Năm loại. D. Sáu loại.

Câu 58. Dân tộc Kinh (Việt), Mường, Thổ Chứt thuộc ngữ hệ nào sau đây?

- A. Hán tạng. B. Nam đảo. C. Thái – Ka-đai. D. Nam Á.

Câu 59. Dân tộc Tày, Thái, Nùng thuộc ngữ hệ nào sau đây?

- A. Hán tạng. B. Nam đảo. C. Thái – Ka-đai. D. Nam Á.

Câu 60. Căn cứ vào các tiêu chí nào để phân chia các dân tộc - tộc người ở Việt Nam?

- A. Theo dân số và địa bàn phân bố. B. Theo ngữ hệ và địa bàn phân bố.
C. Theo dân số và theo ngữ hệ. D. Theo ngữ hệ và nhóm ngôn ngữ.

Câu 61. Các dân tộc thiểu số ở Việt Nam dùng nguyên liệu nào để may trang phục?

- A. Vải lụa, vải thổ cẩm, vải lanh. B. Vải thổ cẩm, vải lụa, vải tơ tằm.
C. Vải lanh, vải phi bóng, vải thổ cẩm. D. Vải bông, vải tơ tằm, vải lanh.

Câu 62. Nhà ở truyền thống của người dân tộc thiểu số là

- A. nhà trệt xây bằng gạch hoặc đắp bằng đất. C. nhà nửa sàn, nửa trệt, xây tường.
B. nhà sàn làm bằng gỗ, tre, nứa, lá. D. nhà nhiều tầng được dựng bằng gỗ.

Câu 63. Nội dung nào dưới đây **không** phải là đặc điểm trong hoạt động sản xuất chủ yếu của tộc người Kinh ở Việt Nam?

- A. Trồng lúa nước phổ biến ở ruộng bậc thang.
B. Phát triển ngành nuôi trồng thủy - hải sản.
C. Phải thường xuyên đắp đê ngăn lũ lụt.
D. Ngoài lúa nước còn trồng cây lương thực khác.

Câu 64. Ở Việt Nam, dân tộc thiểu số nào thường tổ chức các lễ hội liên quan đến chùa chiềng?

- A. Người Khơ-me. B. Người Kinh. C. Người Chăm. D. Người Mường.

Câu 65. Một trong những đặc điểm về đời sống tinh thần của cộng đồng các dân tộc Việt Nam là

- A. không ngừng giao lưu, tiếp thu có chọn lọc những nét đẹp văn hóa bên ngoài.
B. tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa tinh thần của người Trung Quốc.
C. tiếp thu và chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa tinh thần của người Ấn Độ.
D. chịu sự chi phối của các nền văn hóa lớn trên thế giới.

PHẦN II: TRẮC NGHIỆM ĐÚNG – SAI.(1 điểm)

Câu 66. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “*Phố Sài Gòn [Chợ Lớn], cách trấn về phía nam 12 dặm, ở hai bên tả hữu đường cái quan, là đường phố lớn, thẳng suốt ba dặm giáp đến bến sông, một đường ngang ở giữa, một đường dọc theo sông. Các đường dân xuyên nhau như chữ điền [田], phố xá liền mái, người Việt và người Trung Quốc cùng sinh sống. Phố dài độ 3 dặm, hàng hóa bày bán gồm gấm đoạn, đồ sứ, các thứ giấy, châu báu trang sức, hiệu sách, tiệm thuốc, tiệm trà, tiệm mì.*”

(Trịnh Hoài Đức, *Gia Định Thành Thông Chí*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, tr. 559)

a) Phố Sài Gòn là khu phố lớn, có cấu trúc đường xá đan xen, trong đó có một trục dọc theo sông và một trục ngang ở giữa.

b) Cư dân sinh sống tại Phố Sài Gòn chủ yếu là người Việt, người Hoa giữ vai trò thứ yếu ở đây.

c) Hoạt động buôn bán tại Phố Sài Gòn diễn ra đa dạng, gồm nhiều loại hàng hóa và dịch vụ phục vụ đời sống.

d) Không gian phố xá được tổ chức theo dạng ô bàn cờ, các dãy nhà liền mái và tập trung đông đúc.

Câu 67. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “*Tôn giáo chính của người Chăm là Ấn Độ giáo, nghĩa là chỉ thờ một trong ba vị hay thờ chung cả ba vị trong Tam thần giáo là: Brahma, Visnu và Civa và những cakti tức là vợ của Visnu và Civa. Nhưng họ cũng theo cả đạo Phật và họ thường tin cả bộ ba Brahma, Visnu, Civa và Phật*”.

(Georges Maspero, *Vương Quốc Champa*, NXB. Khoa Học Xã Hội, tr. 46)

a) Người Chăm chủ yếu theo Phật giáo và chịu ảnh hưởng rõ nét của tôn giáo này.

b) Trong đời sống tôn giáo, người Chăm thường hầu như thờ một vị thần riêng lẻ như thần Shiva trong Ấn Độ giáo, vì ông là vị thần tối cao và đáng sợ nhất.

c) Các vị thần như Brahma, Vishnu, Shiva không quan trọng lắm trong tín ngưỡng của người Chăm vì họ chủ yếu theo Phật giáo.

d) Tôn giáo chính của người Chăm là Ấn Độ giáo, đồng thời họ cũng tiếp nhận và tin theo cả Phật giáo.

Câu 68. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “*Trống đồng Đông Sơn là đỉnh cao của kỹ thuật chế tác đồng thau của người Việt cổ. Hoa văn trên trống khắc họa những sinh hoạt kinh tế, xã hội, văn hóa đương thời. Trống đồng không*

chỉ là nhạc khí mà còn biểu tượng cho quyền lực, tôn giáo, ... Trống được dùng trong các lễ hội, nghi lễ tôn giáo và trong chiến đấu. Khi có giặc ngoại xâm, tiếng trống vang lên là lời hiệu triệu nhân dân khắp nơi tុ về chiến đấu. Trống đồng Đông Sơn tiêu biểu cho nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc, là một trong những biểu tượng của văn hóa Việt Nam.”

(Sách giáo khoa Lịch sử 10, Bộ chân trời sáng tạo, NXB. Giáo dục Việt Nam, tr. 90)

- a) Trống đồng Đông Sơn phản ánh đời sống sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.
- b) Hoa văn trên trống thể hiện hoạt động buôn bán phát triển mạnh của cư dân Văn Lang – Âu Lạc.
- c) Trống đồng là nhạc cụ dùng trong lễ hội, không liên quan đến quyền lực hay chiến đấu chống ngoại xâm.
- d) Hình ảnh người múa, đánh trống, chèo thuyền trên hoa văn cho thấy đời sống văn hóa và sinh hoạt cộng đồng phong phú. Của cư dân Việt cổ.

Câu 69. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “Nền thương mại quan trọng nhất nằm ở Đàng Trong, tại Hội An “cảng đẹp nhất, nơi mọi người ngoại quốc đặt chân đến”, lĩnh mục Borri, người tới đây năm 1618, thốt lên. Cảng này đã có người Hoa và người Nhật Bản lui tới từ lâu, “họ nắm nền thương mại chính của Đàng Trong”. Thành phố được chia thành hai phần, “mỗi phần đều có người cai trị riêng và lối sống riêng. Người Hoa theo phong tục, tập quán riêng của người Hoa, người Nhật theo phong tục, tập quán riêng của người Nhật Bản.”

(Lê Thành Khôi, *Lịch sử Việt Nam từ nguồn gốc đến giữa thế kỉ XX*, NXB. Thế Giới, trang 324 – 325).

- a) Hội An là một trong những trung tâm thương mại quan trọng của Đàng Trong, thu hút sự hiện diện của thương nhân nước ngoài.
- b) Người Hoa và người Nhật Bản có vai trò đáng kể trong hoạt động thương mại tại Hội An theo phản ánh của tư liệu.
- c) Thành phố Hội An được mô tả là nơi các cộng đồng cư dân sinh sống xen kẽ và có chung phong tục, tập quán.
- d) Tư liệu cho thấy trong hoạt động thương mại ở Hội An có sự tham gia nổi bật của thương nhân đến từ khu vực Đông Nam Á.

Câu 70. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “Bia thứ nhất được đề ngày 15.8 (âm lịch) năm Hồng Đức thứ 15 (1484), cho thấy rõ ý nghĩa của việc làm này: “Các bậc đế vương thánh minh không đời nào không coi việc giáo dục nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí quốc gia là công việc trước nhất... Nay Thánh thượng anh minh, lại nhận thấy rằng việc lớn tốt đẹp tuy đã vẻ vang một thời, nhưng lời khen tiếng thơm chưa đủ để lưu truyền lâu dài cho hậu thế. Vì thế lại cho khắc đá để tên dựng ở cửa nhà Thái học để cho kẻ sĩ chiêm ngưỡng, hâm mộ phấn chấn, rèn luyện danh tiết, hăng hái tiến lên phò giúp hoàng gia... Thế thì việc dựng bia khắc đá này có lợi ích rất nhiều: kẻ ác lấy đó mà răn, người thiện lấy đó mà gắng, biết rõ quá khứ, rộng nhìn tương lai, vừa là để rèn giữa danh tiết của kẻ sĩ, vừa là để vững mạnh mệnh mạch nước nhà.”

(Ngô Đức Thọ, *Văn bia tiến sĩ Văn Miếu - Quốc Tử Giám*, Nxb Hà Nội, Hà Nội, 2010, trang 136–137).

- a) Việc dựng bia tiến sĩ dưới thời Lê nhằm ghi danh người đỗ đạt và khuyến khích việc học tập, rèn luyện của kẻ sĩ.
- b) Nội dung văn bia cho thấy triều đình đề cao vai trò của giáo dục và nhân tài đối với sự phát triển của quốc gia.
- c) Theo tư liệu, việc dựng bia để chuẩn bị cho các nghi lễ của triều đình trước khi tổ chức các kì thi và thể hiện quy mô của nhà Thái học.
- d) Tư liệu phản ánh việc dựng văn bia Tiến sĩ được thực hiện bắt đầu vào thời điểm thế kỉ XIV dưới thời Lê Sơ.

Câu 71. **Hãy đọc đoạn tư liệu và trả lời câu hỏi:** “Các dân tộc trên đất nước Việt Nam đều có tiếng nói riêng, trong đó 26 dân tộc đã có chữ viết. Tiếng Việt được dùng làm ngôn ngữ chính thức của nhà nước và là phương tiện giao tiếp giữa các dân tộc. Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam (năm 2013) ghi rõ: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy phong tục, tập quán, truyền thống và văn hoá tốt đẹp của mình”.

(Hà Minh Hồng, *sách giáo khoa Lịch sử 10 (Bộ Chân trời sáng tạo)*, NXB. Giáo dục Việt Nam, trang 120).

- a) Theo tư liệu, mỗi dân tộc ở Việt Nam đã có hệ thống chữ viết và tiếng nói của mình.

b) Tư liệu thể hiện chủ trương của Nhà nước trong việc củng cố khối đoàn kết giữa các dân tộc thông qua việc tôn trọng và phát huy ngôn ngữ, văn hoá của mỗi dân tộc.

c) Hiến pháp năm 2013 quy định các dân tộc có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết và đồng thời cần thay đổi phong tục, tập quán cho phù hợp với xu hướng chung.

d) Tiếng Việt giữ vai trò là ngôn ngữ chính thức của nhà nước và được sử dụng trong giao tiếp giữa các dân tộc.

PHẦN III: TỰ LUẬN. (3 điểm)

Câu 72. Phân tích một số thành tựu tiêu biểu của văn minh Văn Lang - Âu Lạc?

- Sự ra đời của nhà nước: Nhà nước Văn Lang ra đời ở thế kỉ VII TCN, kế tục là nhà nước Âu Lạc. Đứng đầu là Vua, giúp việc cho Vua là Lạc hầu, Lạc tướng, dưới địa phương là các Bộ và công xã nông thôn.
- Đời sống vật chất:
 - + Bữa ăn hằng ngày của người Việt cổ là cơm, rau, cá,.
 - + Về trang phục: Thường ngày, phụ nữ mặc váy và áo yếm, đàn ông đóng khố, ở trần, đi chân đất.
 - + Cư dân chủ yếu cư trú trong các nhà sàn làm bằng gỗ, tre.
- Đời sống tinh thần: có tục thờ cúng tổ tiên, thờ các vị thần tự nhiên; có tục xăm mình, ăn trầu nhuộm răng đen.

Câu 73. Phân tích một số thành tựu tiêu biểu về tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội và kiến trúc – điêu khắc của văn minh Chăm-pa?

- + Tín ngưỡng, tôn giáo, lễ hội:
 - Tín ngưỡng truyền thống: thờ sinh thực khí, thờ tổ tiên,.
 - Tiếp thu tôn giáo khác: Phật giáo, Hin-đu giáo, Hồi giáo.
 - Hệ thống lễ hội đặc sắc được đồng bào tổ chức hằng năm tại cụm di tích tháp Chăm: lễ hội Katê; điệu múa đặc sắc: Apsara,...
- + Kiến trúc, điêu khắc:
 - + Thánh địa Mỹ Sơn, Phật viện Đồng Dương (Quảng Nam), tháp Mỹ Khánh (Huế),.
 - + Nghệ thuật điêu khắc thể hiện thông qua các bức tượng và phù điêu trang trí trên các đài thờ, đền tháp.

Câu 74. Hãy lập bảng so sánh về 3 nền văn minh cổ trên đất nước Việt Nam

Nội dung	Văn Lang – Âu Lạc	Chăm pa	Phù Nam
Điều kiện tự nhiên	- Hình thành trên lưu vực con sông lớn ở Bắc bộ và Bắc Trung Bộ - Giàu khoáng sản - Thuận lợi trồng lúa nước	- Địa bàn miền Trung và một phần cao nguyên Trường Sơn - Có đường bờ biển dài	- Địa bàn: khu vực Nam Bộ ngày nay - Thuận lợi phát triển nông nghiệp - Sông ngòi, kênh rạch chằng chịt
Ảnh hưởng của văn minh bên ngoài	Văn minh Văn Lang - Âu Lạc là kết quả của quá trình tự vận động nội tại (nội sinh) trên nền tảng vững chắc của văn hóa Đông Sơn.	- Ảnh hưởng bởi văn minh Ấn Độ qua tầng lớp thương nhân - Lĩnh vực: chữ viết, tôn giáo, mô hình tổ chức nhà nước, pháp luật.	- Ảnh hưởng bởi văn minh Ấn Độ thông qua thương mại biển. - Lĩnh vực: Văn hóa, chính trị, tư tưởng, kiến trúc, tôn giáo

Câu 75. Hãy phân tích cơ sở hình thành văn minh Đại Việt. Theo em, cơ sở nào là quan trọng nhất? Vì sao?

- **Văn minh Đại Việt hình thành qua:**
 - + Sự kế thừa nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc: Đây là nền tảng bản địa lâu đời về kinh tế (nông nghiệp lúa nước), xã hội và văn hóa.
 - + Một nền độc lập tự chủ lâu dài của quốc gia Đại Việt, được củng cố qua các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
 - + Văn minh Đại Việt tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn minh bên ngoài về tư tưởng, văn hoá, giáo dục.
- **Theo em, cơ sở nào là quan trọng nhất là:** cơ sở quan trọng nhất để hình thành văn minh Đại Việt là một nền độc lập tự chủ lâu dài của quốc gia Đại Việt, được củng cố qua các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc.
- Vì chỉ khi có độc lập thì dân tộc mới có điều kiện kế thừa và phát triển văn hóa dân tộc, đồng thời chủ động tiếp thu tinh hoa bên ngoài để xây dựng nền văn minh riêng.

Câu 76. Lập bảng thống kê về một số thành tựu văn minh Đại Việt:

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Tín ngưỡng	Thờ cúng tổ tiên, thờ Hùng Vương, thờ anh hùng dân tộc, thờ Mẫu.
Kiến trúc	Chùa, tháp (chùa Một Cột, tháp Phổ Minh); kinh thành Thăng Long, kinh thành Huế,.
Âm nhạc	Nhã nhạc cung đình; chèo, tuồng; múa rối nước,...
Luật Pháp	Có các bộ luật: Hình Thư, Hình Luật, Quốc triều Hình Luật(Hồng Đức), Hoàng Việt Luật lệ(Gia Long).

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Khoa học – kĩ thuật	- Sử học: <i>Đại Việt sử kí toàn thư</i> - Y học: <i>Hải Thượng y tông tâm lĩnh</i> (Hải Thượng Lãn Ông) - Quân sự – kĩ thuật: <i>Súng thần cơ</i>, thành nhà Hồ, thời Minh Mạng đóng được tàu thủy chạy bằng máy hơi nước. - Địa lí – bản đồ: <i>Hồng Đức bản đồ</i> - Toán học: <i>Đại thành toán pháp</i> (Lương Thế Vinh)

Câu 77. Theo em, mỗi cá nhân cần làm gì để bảo tồn và phát huy giá trị của những thành tựu văn minh Đại Việt thời đại ngày nay?

Hướng dẫn giải

Để bảo tồn và phát huy những thành tựu của văn minh Đại Việt chúng ta cần:

- + Nắm rõ tiến trình lịch sử của dân tộc và những thành tựu mà tổ tiên ta đã để lại.
- + Đưa ra các biện pháp bảo tồn những thành tựu của văn minh Đại Việt.
- + Tuyên truyền về văn minh Đại Việt đến người dân và khuyến khích mọi người bảo tồn, phát huy văn minh Đại Việt...

---HẾT---